

Bản án số: 23/2017/HSST
Ngày 30/6/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Thắng;

2. Ông Giàng Mí Phìn

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2017/HSST ngày 07/6/2017 đối với bị cáo:

Đặng Văn T. Sinh năm 1986, tại xã Thượng B, huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn T, xã Thượng B, huyện B, tỉnh Hà Giang; số CMND/số hộ chiếu/số căn cước công dân: ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Dao; con ông Đặng Văn Q và bà Đặng Thị M; có vợ là Nguyễn Thị C và 02 con sinh năm 2008 và 2011; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt ngày 30/03/2017 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Đặng Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tháng 10/2013 Đặng Văn T sinh năm 1986 trú tại Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang đến xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang làm đường, tại đây T đã quen biết với Tân Văn P và biết P đã đi Trung Quốc lao động làm thuê nên T hỏi P về tiền công lao động bên Trung Quốc họ chi trả như thế nào. P nói cho T biết hiện H (người Trung Quốc) đang cần tìm người làm thuê công việc là phát rừng, trồng cây tiền công là 80NDT/ngày/người. Nếu ai muốn ứng trước tiền công thì sẽ cho ứng 5.000.000đ/người. T và P đã bàn bạc thống nhất: T sẽ đi tìm người và đưa đến xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang, P có trách nhiệm đưa người từ xã S sang Trung Quốc giao cho ông H, tiền công tìm người và đưa người sang Trung Quốc thì P hưởng,

còn T sẽ trích lấy một phần số tiền công lao động của những người mà T và P đưa đi Trung Quốc làm thuê. Thống nhất xong T về nhà đi tìm người làm thuê và đã tìm được 21 người đi làm 2 lần (gồm 6 người ở xã H, huyện L – Tuyên Quang, 4 người ở xã B, huyện V – Hà Giang, 8 người ở xã Thượng B huyện B – Hà Giang, 03 người ở thôn P, xã D, huyện B) cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng giữa tháng 2/2014, Đặng Văn T đến gặp Đặng Văn P (Trú tại thôn K, xã T, huyện B); Lý Văn C và Đặng Văn A (Trú tại Thôn T, xã T, huyện B); Đặng Thị H, Đặng Thị N, Đặng Thị M, Đặng Thị T (Trú tại thôn N, xã B, huyện huyện V); Thào A P (Trú tại thôn K, xã T, huyện B); Lý Văn C (Trú tại thôn L, xã H, huyện Lâm Bình – Tuyên Quang) để rủ những người này đi Trung Quốc làm thuê, T nói công việc là phát rừng, trồng cây và khai thác gỗ, tiền công là từ 180.000đ đến 200.000đ/người/ngày, nếu ai đồng ý đi thì sẽ được ứng trước tiền công lao động là 5.000.000đ/người, ngoài ra T còn dẫn những người này về nhà hỏi xem nếu có ai muốn đi cùng thì rủ đi cho đông, sau khi những người T rủ đi làm thuê đồng ý, T hẹn đến ngày 17/2/2014 thì tập trung tại nhà mẹ vợ T là bà Mạc Thị S, ở thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang để đi, còn 04 người ở xã B, huyện V, T hẹn ra đoạn Km21 đoạn trung tâm TT V, T sẽ qua đón.

Ngày 17/2/2014, có 14 người gồm: Lý Văn C, Bàn Văn M, Bàn Văn T, Bàn Kim V, Hoàng Văn A, Đặng Văn T (Đều trú tại xã H, huyện L – Tuyên Quang), Đặng Văn A, Thào A P, Sùng A N, Lý Văn C, Đặng Văn P, Trương Văn N, Hoàng Ngọc S, Chương Văn T (Đều trú tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang), tập trung tại nhà mẹ vợ T tại thôn Nậm M, xã K, huyện B, tại đây T thuê 01 xe ô tô 16 chỗ ngồi với giá là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để đưa toàn bộ số người trên đi lên TT M, khi đi qua địa phận Km21 thuộc trung tâm TT V, T đón tiếp Đặng Thị N, Đặng Thị H (Sinh năm 1999), Đặng Thị M, Đặng Thị T. Khi đến TT M, T gọi điện cho P ra đón rồi cùng nhau đưa số người này đến đoạn cách trung tâm xã S khoảng 1Km thì xuống xe ô tô rồi đi bộ vượt biên giới qua mốc 499 thuộc địa phận xã S sang Trung Quốc giao người cho H, sau khi giao người, T được H đưa cho 20.000NDT là tiền công của những người đi lao động, sau khi nhận số tiền này T đã quay về nhà đổi sang tiền Việt Nam rồi trả tiền công lao động cho một số gia đình (Do lâu ngày T không nhớ đã trả cho những ai, số tiền cụ thể là bao nhiêu), còn lại khoảng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) T chi tiêu vào việc cá nhân.

Lần 2: Khoảng tháng 3/2014, T tiếp tục đến gặp Đặng Văn M (trú tại P, xã D, huyện B), khi gặp M, T đã vận động M đi Trung Quốc làm thuê công việc là phát rừng, trồng cây, tiền công là 180.000đ đến 200.000đ, lần này ngoài M còn có 02 người là Đặng Văn D và Lý Văn S (Đều trú tại thôn P, xã D, huyện B) biết việc T đưa người đi Trung Quốc làm thuê nên đến để xin cho đi cùng. Khoảng 1 tuần sau T cùng vợ T là Nguyễn Thị Ch (Chi đi cùng để làm thuê), đi xe khách đưa 03 người này đi từ ngã 3 xã T, huyện B đến huyện M, tại đây Tấn Văn P đến đón rồi thuê xe mô tô đưa toàn bộ số người này đến đoạn gần trung tâm xã S thì xuống xe, P, T đưa C, M, D, S đi bộ vượt biên giới mốc 499 thuộc địa phận xã S rồi giao 03 người ở thôn P, xã D cho H, sau khi giao người xong thì P quay về, còn T và Chi đi làm cùng những người lao động, ở đây được khoảng 02 tuần thì T và C quay về Việt Nam.

Giữa năm 2014 Thái tiếp tục sang Trung Quốc đón người lao động về Việt Nam thì được ông chủ Trung Quốc đưa cho T 20.000NDT và nói đây là tiền công còn lại của những người đi lao động mang về đưa cho gia đình họ và những người lao động cũng đồng ý cho T cầm tiền, về Việt Nam T đã đổi ra tiền Việt Nam và chi trả cho những người lao động.

Hiện tại 21 người đi sang Trung Quốc lao động đã trở về Việt Nam và được ông chủ người Trung Quốc và T thanh toán từ 1/3 đến 1 nửa tiền công lao động cụ thể:

Vào tháng 7/2014 có 5 người về Việt Nam đã được T và ông chủ người Trung Quốc thanh toán tiền công gồm:

1- Bàn Văn M sinh năm 1989; trú tại thôn L, xã H, huyện L - Tuyên Quang được thanh toán 4.700.000đ.

2- Bàn Kim V sinh năm 1992; trú tại thôn T, xã H, huyện L - Tuyên Quang được thanh toán 4.700.000đ.

3- Hoàng Văn A sinh năm 1993; trú tại thôn L, xã huyện H, huyện L - Tuyên Quang được thanh toán 9.000.000đ.

4- Đặng Thị N sinh 1974; trú tại xã B, huyện V - Hà Giang được thanh toán 5.000.000đ.

5- Lý Văn C sinh năm 1993; trú tại Thôn T, xã T, huyện B - Hà Giang được thanh toán 340.000đ.

Đến tháng 8/2014 có 12 người về Việt Nam đã được T và ông chủ người Trung Quốc đã thanh toán tiền công gồm:

1- Lý Văn C sinh năm 1992; trú tại thôn L, xã H, huyện L, Tuyên Quang được thanh toán 8.000.000đ.

2- Bàn Văn T sinh năm 1996; trú tại thôn L, xã H, huyện L, Tuyên Quang được thanh toán 6.000.000đ.

3- Đặng Văn T sinh năm 1995; trú tại thôn T, xã H, huyện L, Tuyên Quang được thanh toán 5.000.000đ.

4- Đặng Văn P sinh năm 1998; trú tại thôn K, xã T, huyện B - Hà Giang được thanh toán 18.000.000đ

5- Trương Văn N sinh năm 1992; trú tại thôn K, xã T, huyện B - Hà Giang được thanh toán 22.000.000đ

6- Hoàng Ngọc S; sinh năm 1982; trú tại thôn B, xã T, huyện B - Hà Giang được thanh toán 2.000.000đ.

7- Chương Văn T; sinh năm 1988; trú tại thôn K, xã T, huyện B - Hà Giang được thanh toán 2.000.000đ.

8- Sùng A N; sinh năm 1996; trú tại thôn B, xã T, huyện B - Hà Giang được thanh toán 2.000.000đ.

9- Thào A P; sinh năm 1996; trú tại thôn K, xã T, huyện B - Hà Giang được thanh toán 2.000.000đ.

10- Đặng Văn M sinh năm 1984 trú tại: Thôn P, xã D, huyện B được thanh toán 14.000.000đ.

11- Lý Văn S sinh năm 1987 trú tại: Thôn P, xã D, huyện B được thanh toán 2.000.000đ.

12- Đặng Văn D sinh năm 1993 trú tại: Thôn P, xã D, huyện B được thanh toán 6.000.000đ.

Đến tháng 1/2015 có 4 người về Việt Nam đã được T và ông chủ người Trung Quốc đã thanh toán tiền công gồm:

1- Đặng Thị M; Sinh năm 1997; trú tại thôn N, xã B, huyện V - Hà Giang được thanh toán 10900NDT (Nhân dân tệ).

2- Đặng Thị H; Sinh 1999; trú tại thôn N, xã B, huyện V, Hà Giang được thanh toán 10.000 NDT (nhân dân tệ).

3- Đặng Thị T; Sinh 1992; trú tại thôn N, xã B, huyện V, Hà Giang (không lấy được lời khai nên không xác định được số tiền đã nhận vì không có mặt tại địa phương).

4- Đặng Văn A; sinh năm 1993; trú tại Thôn T, xã T, huyện B - Hà Giang (*là em trai của T*) được thanh toán 5.000NDT (Nhân dân tệ).

Tại bản cáo trạng số 11/KSĐT ngày 07 tháng 6 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố Đặng Văn T về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 2 Điều 275 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 275; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 3- 4 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

3. Án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét một cách đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn T khai nhận toàn bộ hành vi tổ chức cho 21 người sang Trung Quốc làm thuê cho ông chủ người Trung Quốc như cáo trạng

của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản về việc người có quyết định truy nã ra đầu thú; bản tường trình của bị cáo; lời khai của những người được Thái tổ chức đưa sang Trung Quốc; bản án xét xử đối với Tẩn Văn P..., thấy có đủ căn cứ xác định:

Sau khi đã bàn bạc với Tẩn Văn P là tìm người Việt Nam đưa sang Trung Quốc làm thuê cho ông chủ H (người Trung Quốc), T sẽ được hưởng số tiền chênh lệch từ những người đi làm thuê do ông chủ Trung Quốc trả. Trong thời gian từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2014 Đặng Văn T và Tẩn Văn P đã 02 lần tổ chức cho 21 người Việt Nam cư trú tại các xã B, huyện V, huyện D và T, huyện B tỉnh Hà Giang và xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang sang Trung Quốc làm thuê.

Khi đưa người sang Trung Quốc T và P đi theo đường mòn mố 499 thuộc địa phận xã S vượt biên giới sang Trung Quốc mà không làm giấy thông hành xuất nhập cảnh theo quy định của nhà nước.

Hành vi tổ chức người khác trốn ra nước ngoài của Đặng Văn T và Tẩn Văn P đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực xuất nhập cảnh, xâm hại đến trật tự về an ninh biên giới, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài quy định tại Điều 275 của Bộ luật hình sự.

[2] Chỉ trong thời gian ngắn từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2014 bị cáo Đặng Văn T cùng với Tẩn Văn P đã 02 lần tổ chức cho 21 người trốn sang Trung Quốc, như vậy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần được quy định tại khoản 2 Điều 275 của BLHS, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố theo khoản 2 Điều 275 của BLHS là đúng người, đúng tội.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc tổ chức người khác ra nước ngoài khi không được phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, bị cáo cũng biết việc tổ chức xuất khẩu lao động phải do các cơ quan tổ chức được nhà nước cấp phép thực hiện. Nhưng do hám lời, muốn được hưởng khoản tiền chênh lệch người Trung Quốc trả cho người làm thuê nên bị cáo đã tổ chức cho 21 người sang Trung Quốc trái phép, bất chấp quy định của nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh cũng như quy định của nhà nước về xuất khẩu lao động, do đó cần xử lý nghiêm minh, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện biết chấp hành pháp luật, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống đối với loại tội phạm này đang xảy ra rất phức tạp trên địa bàn cả nước nói chung và tại tỉnh Hà Giang nói riêng. Tuy nhiên khi xem xét mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của bị cáo tổ chức cho người khác trốn ra nước ngoài là để được hưởng khoản tiền chênh lệch tiền công của người lao động và những người được bị cáo tổ chức trốn ra nước ngoài đều là người lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm. Sau một thời gian làm thuê ở Trung Quốc toàn bộ 21 người mà bị cáo đưa sang Trung Quốc đều đã trở về, hành vi của bị cáo gây thiệt hại không lớn. Sau một thời gian bỏ trốn, đến ngày 30 tháng 3 năm 2017 bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú. Trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, trình độ nhận thức hạn chế do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46

và Điều 47 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Theo quy định của Điều 349 BLHS năm 2015 thì mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt của Điều 275BLHS năm 1999. Vì vậy cần áp dụng Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội để giảm mức hình phạt đối với bị cáo.

Về hành vi xuất nhập cảnh trái phép của bị cáo đã bị Công an tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính với hình thức cảnh cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong vụ án này còn có Tẩn Văn P đã cùng bị cáo đưa người sang Trung Quốc và Tẩn Văn P đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử tại bản án số 29/2015/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2015, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 275; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 30 tháng 3 năm 2017).

3. Án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí HSST.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Giàng Mí Phìn

Phan Ngọc Thắng

Mai Văn Hùng